|  |  |
| --- | --- |
| Số: {TRADING\_CODE} | Ngày lập báo cáo: {RM\_COMPLETE} |

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP TÍN DỤNG**

{#LAST\_APP}

{#PROCEDURE==”KT”}

{#LAST\_APP ==”CHECK”}

|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị đề xuất | {DVKD\_RM} |
| Cấp phê duyệt | {LEVEL\_OF\_APPROVAL} |
| Lý do trình | {REASON\_FOR\_PROFILE} |

{/}{/}{/}

{#WORKFLOW\_TYPE ==” LOS\_DVKD”}

{#PROCEDURE ==”KN”}

|  |  |
| --- | --- |
| Đơn vị đề xuất | {DVKD\_RM} |
| Cấp phê duyệt | {LEVEL\_OF\_APPROVAL} |
| Lý do trình ban đầu | {REASON\_FOR\_PROFILE} |
| Lý do trình kháng nghị | {REASON\_FOR\_APPEAL} |

{/}{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LIÊN QUAN** |

**1. Thông tin khách hàng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên | {CUST\_FULLNAME} | | Ngày sinh: {CUST\_BIRTHDAY} |
| Số CIF | {CUST\_CIF} | | |
| {#CUST\_DEFAULT ==”CHECK”}{CUST\_ID\_TYPE}{/} | {#CUST\_DEFAULT ==”CHECK”}{CUST\_ID}{/} | Ngày cấp:  {#CUST\_DEFAULT ==”CHECK”}{CUST\_ID\_DATE}{/} | Nơi cấp:  {#CUST\_DEFAULT==”CHECK”}{CUST\_ID\_ISSUED\_BY}{/} |
| {#CUST\_TEMPORARY\_ADDRESS}{#CUST\_PERMANENT\_ADDRESS}Địa chỉ thường trú{/}{^CUST\_PERMANENT\_ADDRESS}Địa chỉ tạm trú{/}{/} | {#CUST\_TEMPORARY\_ADDRESS}{#CUST\_PERMANENT\_ADDRESS}{CUST\_PERMANENT\_ADDRESS}{/}{^CUST\_PERMANENT\_ADDRESS}{CUST\_TEMPORARY\_ADDRESS}{/}{/} | | |
| Địa chỉ liên hệ | {CUST\_CONTACT\_ADDRESS} | | |
| Số điện thoại | {CUST\_PHONE\_NUMBER} | Email: | {CUST\_EMAIL} |
| Tình trạng hôn nhân | {CUST\_MARITAL\_STATUS} | | |
| Năng lực pháp luật, năng lực hành vi | {#CUST\_PLDS\_HVDS ==”CHECK”}  Khách hàng có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi  {/}  {#CUST\_PLDS\_HVDS !=”CHECK”}  Khách hàng có hạn chế về năng lực pháp luật, năng lực hành vi  {/} | | |

{#IS\_NHP==”CHECK”}

**2. Thông tin người hôn phối**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên | {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Ngày sinh: {NHP\_BIRTHDAY} |
| {#NHP\_DEFAULT==”CHECK”}{NHP\_ID\_TYPE} | {NHP\_ID} | Ngày cấp: {NHP\_ID\_DATE} | Nơi cấp: {NHP\_ID\_ISSUED\_BY}{/} | |
| {#NHP\_TEMPORARY\_ADDRESS}  {#NHP\_PERMANENT\_ADDRESS}  Địa chỉ thường trú{/}  Địa chỉ tạm trú{/} | {#NHP\_TEMPORARY\_ADDRESS}{#NHP\_PERMANENT\_ADDRESS}  {NHP\_PERMANENT\_ADDRESS}{/}{NHP\_TEMPORARY\_ADDRESS}{/} | | | |
| Địa chỉ liên hệ | {NHP\_CONTACT\_ADDRESS} | | | |

{/IS\_NHP==”CHECK”}

{#REQUIRED\_OBJECTS\_XHTD==”CHECK”}

{**STT\_CLQ\_XHTD**}. **Thông tin xếp hạng tín dụng nội bộ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kỳ xếp hạng** | {KY\_XHTD} | **Xếp hạng** | {RESULT\_XHTD} |

**{/}**

**{STT\_NLQ\_EID}. Tổng hợp thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng và người liên quan tại Eximbank**

1. **Thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng tại Eximbank**

**{#**SUM\_COR\_LOS **==0}**

|  |
| --- |
| Khách hàng hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

**{/}**

**{#**SUM\_AMOUNT\_CTD **!= 0}**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng trên Core** | |
| Thời điểm bắt đầu quan hệ tín dụng: {STARTING\_TIME\_QHTD}.Nhóm nợ hiện tại: {NHOM\_NO} | Đvt: triệu đồng |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **Lãi suất bình quân** | | {#TABLE\_QHTD\_COR}{$index+1} | {NO\_CONTRACT} do {LO\_APPROVAL} phê duyệt | {METHOD\_CTD} | {AMOUNT\_CTD} | {SURPLUS\_CTD} | {AVERAGE\_RATE} %{/TABLE\_QHTD\_COR} | | **{**#TABLE\_SUM\_QHTD\_COR**}Tổng cộng** | |  | **{SUM\_AMOUNT\_CTD}** | **{SUM\_SURPLUS\_CTD}** | {/TABLE\_SUM\_QHTD\_COR**}** | | |

**{/**SUM\_AMOUNT\_CTD **!= 0}**

{#SUM\_LOS\_AMOUNT\_CTD != 0}

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng trên LOS** | |
| Thời điểm bắt đầu quan hệ tín dụng: {STARTING\_TIME\_QHTD} | Đvt: Triệu đồng |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | | {#TABLE\_QHTD\_LOS}{STT} | {FORM\_CTD} {PERIOD\_CTD} do {LOS\_LO\_APPROVAL} | {LOS\_AMOUNT\_CTD}{/TABLE\_QHTD\_LOS} | | **Tổng cộng** | | **{#TABLE\_SUM\_QHTD\_LOS}{SUM\_LOS\_AMOUNT\_CTD}**  **{/TABLE\_SUM\_QHTD\_LOS}** | | |

{/}

{#DS\_NLQ}

1. **Thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan tại Eximbank**

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_1 ==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_1 == 0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_1 == 0}

{#CLQ\_SUM\_1 != 0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/CLQ\_SUM\_1 != 0}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_1!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_1!=0}

{/GROUP\_CLQ\_EIB\_1 ==1}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_2==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_2==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_2==0}

{#CLQ\_SUM\_2!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/CLQ\_SUM\_2!=0}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_2!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_2!=0}

{/GROUP\_CLQ\_EIB\_2==1}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_3==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_3==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_3!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/CLQ\_SUM\_3!=0}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_3!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_3!=0}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_4==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_4==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_4!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_4!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_5==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_5==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_5!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_5!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_6==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_6==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_6!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_6!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_7==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_7==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_7!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_7!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_8==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_8==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_8!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_8!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_9==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_9==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_9!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_9!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_10==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_10==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_10!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_10!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_11==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_11==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_11!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_11!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_12==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_12==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_12!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_12!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_13==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_13==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_13!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_13!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_14==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_14==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_14!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_14!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_15==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_15==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_15!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_15!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_16==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_16==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_16!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_16!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_17==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_17==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_17!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_17!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_18==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_18==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_18!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_18!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_19==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_19==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_19!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_19!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{#GROUP\_CLQ\_EIB\_20==1}

{#CLQ\_SUM\_COR\_LOS\_20==0}

|  |
| --- |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có quan hệ tín dụng tại Eximbank |

{/}

{#CLQ\_SUM\_20!=0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên Core** | | | | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}. Nhóm nợ hiện tại: {CLQ\_GROUP\_DEBT} | | | | | | Đvt: triệu đồng |
| **STT** | **Số hợp đồng** | **Phương thức CTD** | **Số tiền CTD** | **Số dư CTD** | **TSBĐ** | |
| {STT} | {CLQ\_NO\_CONTRACT} do {CLQ\_LO\_APPROVAL} phê duyệt | {CLQ\_PTCTD} | {CLQ\_STCTD} | {CLQ\_SDCTD} | {CLQ\_TSBD} | |
| **Tổng cộng** | |  | **{CLQ\_SUM}** | {**CLQ\_SUM\_SDCTD**} |  | |

{/}

{#CLQ\_SUM\_NOT\_CORE\_20!=0}

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin quan hệ tín dụng của người liên quan trên LOS** | | | |
| Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP} | | | Đvt: Triệu đồng |
| STT | **Khoản cấp tín dụng trên LOS** | **Số tiền CTD** | **TSBĐ** |
| {STT} | {LOS\_HTCTD} {LOS\_KHCTD} do {LOS\_APPROVAL} | {LOS\_CTD} | {LOS\_TSBD} |
| **Tổng cộng** | | **{CLQ\_SUM\_NOT\_CORE}** |  |

{/}

{/}

{/DS\_NLQ}

{#CKH\_CIC\_OBLIGATORY ==”CHECK”}

{**CLQ\_COLLECT\_QHTD**}**. Tổng hợp thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng và người liên quan tại các TCTD theo CIC**

**a. Thông tin quan hệ tín dụng của khách hàng tại các TCTD theo CIC**

{#CKH\_RESULT\_CIC ==” KQCIC01”}

|  |
| --- |
| Khách hàng hiện không có thông tin CIC theo báo cáo ngày {CKH\_DATE\_TC\_CIC} |

{/}

{#CKH\_RESULT\_CIC =="KQCIC02"}

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin CIC của khách hàng theo báo cáo ngày Error! MergeField was not found in header record of data source.** | | |
| Số lượng TCTD: {CKH\_AMOUNT\_TCTD} | | Tổng số dư CTD: {CKH\_SUM\_SURPLUS\_CTD}triệu đồng |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD tại thời điểm xét cấp tín dụng | | {NHOMNO\_HIGHEST} |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 12 tháng gần nhất | | {NHOMNO\_12THANG} |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 5 năm gần nhất | | {NHOMNO\_5NAM} |
| Lịch sử chậm thanh toán thẻ | - Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất trong 03 năm gần nhất: {NO\_CHAM\_36THANG}ngày  - Số lần chậm thanh toán thẻ trong 03 năm gần nhất: {SL\_CHAM\_TT36THANG} lần | |

{/}

{#CKH\_RESULT\_CIC=="KQCIC03"}

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chi tiết thông tin CIC của khách hàng theo báo cáo ngày {CKH\_CIC\_QHTD}** | | |
| Khách hàng đã hết dư nợ, hạn mức tại các TCTD | | |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD tại thời điểm xét cấp tín dụng | | {NHOMNO\_HIGHEST} |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 12 tháng gần nhất | | {NHOMNO\_12THANG} |
| Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 5 năm gần nhất | | {NHOMNO\_5NAM} |
| Lịch sử chậm thanh toán thẻ | - Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất trong 03 năm gần nhất: {NO\_CHAM\_36THANG}ngày  - Số lần chậm thanh toán thẻ trong 03 năm gần nhất: {SL\_CHAM\_TT36THANG} lần | |

{/}

{#CHECK\_CIC == "CHECK"}

{#KQ\_CIC=="KQCIC01"}

{**REL\_CIC\_TITLE**}

Người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}, hiện không có thông tin CIC theo báo cáo ngày {DATE\_TC\_CIC}

{/}

{#KQ\_CIC=="KQCIC02"}

{**REL\_CIC\_TITLE**}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết thông tin CIC theo báo cáo ngày {DATE\_BC\_CIC\_QHTD}** **của người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}** | | | | Số lượng TCTD: {AMOUNT\_TCTD} | | Tổng số dư CTD: {SUM\_SDCTD}triệu đồng | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD tại thời điểm xét cấp tín dụng | | {NHOMNO\_HIGHEST\_1} | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 12 tháng gần nhất | | {NHOMNO\_12THANG\_1} | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 5 năm gần nhất | | {NHOMNO\_5NAM\_1} | | Lịch sử chậm thanh toán thẻ | - Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất trong 03 năm gần nhất: {SN\_CHAMTT\_36\_GN}ngày  - Số lần chậm thanh toán thẻ trong 03 năm gần nhất: {SL\_CHAMTT\_36\_GN}lần | | |

{/}

{#KQ\_CIC=="KQCIC03"}

{**REL\_CIC\_TITLE**}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Chi tiết thông tin CIC theo báo cáo ngày {DATE\_BC\_CIC\_QHTD}** **của người liên quan là {NHP\_FULLNAME}, mối quan hệ với KH: {NHP\_RELATIONSHIP}** | | | | Đã hết dư nợ, hạn mức tại các TCTD | | Tổng số dư CTD: {SUM\_SDCTD}triệu đồng | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD tại thời điểm xét cấp tín dụng | | {NHOMNO\_HIGHEST\_1} | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 12 tháng gần nhất | | {NHOMNO\_12THANG\_1} | | Nhóm nợ cao nhất tại các TCTD trong 5 năm gần nhất | | {NHOMNO\_5NAM\_1} | | Lịch sử chậm thanh toán thẻ | - Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất trong 03 năm gần nhất: {SN\_CHAMTT\_36\_GN}ngày  - Số lần chậm thanh toán thẻ trong 03 năm gần nhất: {SL\_CHAMTT\_36\_GN}lần | | |

{/}

{/}

{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 2. NHU CẦU CẤP TÍN DỤNG** |

{#PT\_CTD\_5 == "TUNGLAN"}

{#HT\_CTD\_5 != "HTCTDRLOS02"}

{#TABLE\_NCTD\_PTTL}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhu cầu CTD {STT\_noBL\_CTD}**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung** | | Nhu cầu CTD | Khách hàng cấp tín dụng theo sản phẩm/chính sách{SPCS} | | Chi tiết nhu cầu CTD | {CTNCV} | | Tổng nhu cầu vốn | {TNCV} triệu đồng | | Vốn tự có | {VTC} triệu đồng | | Vốn vay Eximbank | {VV\_EXIM}triệu đồng | | Tỷ lệ tài trợ của Eximbank | {RATIO\_EXIM} % | |

**{**/TABLE\_NCTD\_PTTL**}**

{/}

{/}

{#PT\_CTD\_6 == "HANMUC"}

{#TABLE\_NCTD\_PTHM\_0}

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhu cầu CTD {STT\_BL\_CTD}**   |  |  | | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Nội dung** | | Nhu cầu CTD | Khách hàng cấp tín dụng theo sản phẩm/chính sách{SPCS} | | Chi tiết nhu cầu CTD | {MOTA\_CTD} | |

{/TABLE\_NCTD\_PTHM\_0}

{/}

{#PT\_CTD\_7=="TUNGLAN"}

{#HT\_CTD\_6=="HTCTDRLOS02"}

{#TABLE\_NCTD\_PTHM\_1}

**Nhu cầu CTD {STT\_BL\_CTD}**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** |
| Nhu cầu CTD | Khách hàng cấp tín dụng theo sản phẩm/chính sách{SPCS} |
| Chi tiết nhu cầu CTD | {MOTA\_CTD} |

{/TABLE\_NCTD\_PTHM\_1}

{/}

{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 3. NGUỒN THU NHẬP TRẢ NỢ** |

**1. Thông tin nguồn thu nhập**

**{#**TGTK == "CHECK"**}**

**Nguồn thu nhập {STT\_CTC\_TGTK}. Tiền gửi tiết kiệm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** |
| Đvt: triệu đồng | |
| |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Số TK tiết kiệm** | **Giá trị TK tiết kiệm** | **Loại tiền** | **Thu nhập trả nợ quy đổi** | **Kỳ hạn gửi** | **Lãi tiền gửi khi đáo hạn** | | {#TABLE\_CTC\_TGTK}{STK\_TK} | {GT\_TKTK} | {CURRENCY} | {TNTNQD} | {KHG\_STK} | {LTGKDN}{/TABLE\_CTC\_TGTK} | | |

**{**/}

**{#**TGKTK == "CHECK"**}**

**Nguồn thu nhập Error! MergeField was not found in header record of data source.. Tiền gửi không kỳ hạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** |
| Đvt: triệu đồng | |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số tài khoản** | **Số tiền khả dụng** | **Loại tiền** | **Thu nhập trả nợ quy đổi** | | {#TABLE\_CTC\_TGKH}{STK} | {AMOUNT\_KD} | {CURRENCY\_1} | {INCOME\_PAYMENTS}{/TABLE\_CTC\_TGKH} | | |

{/}

{#OTHER\_INCOME=="CHECK"}

**Nguồn thu nhập {STT\_CTC\_TNK}. Thu nhập khác**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung** |
| Đvt: triệu đồng | |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên nguồn thu nhập** | **Mô tả chi tiết nguồn thu nhập** | **Thu nhập trả nợ** | | {#TABLE\_CTC\_TNK}{INCOME\_SOURCES} | {DESCRIBE\_CT\_INCOME} | {INCOME}{/TABLE\_CTC\_TNK} | | |

{/}

{#CTC\_TYPE\_TSBD =="TSBDCC001"}

{#CTC\_OWNER\_TSBD == "CHUTSBDCC001"}

**2. Cân đối thu nhập và chi phí trả nợ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đvt: triệu đồng | | | |
| **Chỉ tiêu thu nhập** | **Số tiền** | **Chỉ tiêu chi phí** | **Số tiền** |
| Gốc tiền gửi | {ORIGINAL\_DEPOSIT} | Trả gốc khi đáo hạn vay | {PAY\_ORIGINAL\_KDHV} |
| Lãi tiền gửi khi đáo hạn | {DEPOSITS\_KDH} | Trả lãi vay khi đáo hạn | {PAY\_BACK\_KDHV} |
| Thu nhập khác | {OTHER} |  |  |
| T**ổng nguồn thu nhập** | {SUM\_INCOME} | **Tổng số tiền phải trả** | **{SUM\_AMOUNT}** |
| Thu nhập thặng dư: | {TNTD} | | |

{/}

{/}

{#CTC\_TYPE\_TSBD=="TSBDCC002"}

**2. Cân đối thu nhập và chi phí trả nợ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đvt: triệu đồng | | | |
| **Chỉ tiêu thu nhập** | **Số tiền** | **Chỉ tiêu chi phí** | **Số tiền** |
| Từ lương | {WAGE} | Trả gốc khi đáo hạn vay | {PAY\_O\_KDHV} |
| Từ cho thuê tài sản | {LEASE\_TS} | Trả lãi vay khi đáo hạn | {PAY\_B\_KDHV} |
| Từ sản xuất kinh doanh | {PROFIT\_SXKD} |  |  |
| Từ góp vốn/cổ tức | {CAPITAL\_CONTRIBUTION} |  |  |
| Từ thu nhập khác | {OTHER\_1} |  |  |
| **Tổng nguồn thu** | **{TOTAL\_INCOME}** | **Tổng số tiền phải trả** | **{SUM\_AMOUNT\_PT}** |
| Thu nhập thặng dư: | {SUPERIOR\_INCOME} | | |

{/}

{#CTC\_TYPE\_TSBD=="TSBDCC001"}

{#CTC\_OWNER\_TSBD =="CHUTSBDCC002"}

**2. Cân đối thu nhập và chi phí trả nợ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đvt: triệu đồng | | | |
| **Chỉ tiêu thu nhập** | **Số tiền** | **Chỉ tiêu chi phí** | **Số tiền** |
| Từ lương | {WAGE} | Trả gốc khi đáo hạn vay | {PAY\_O\_KDHV} |
| Từ cho thuê tài sản | {LEASE\_TS} | Trả lãi vay khi đáo hạn | {PAY\_B\_KDHV} |
| Từ sản xuất kinh doanh | {PROFIT\_SXKD} |  |  |
| Từ góp vốn/cổ tức | {CAPITAL\_CONTRIBUTION} |  |  |
| Từ thu nhập khác | {OTHER\_1} |  |  |
| **Tổng nguồn thu** | {TOTAL\_INCOME} | **Tổng số tiền phải trả** | {SUM\_AMOUNT\_P} |
| Thu nhập thặng dư: | {SUPERIOR\_INCOME} | | |

{/}

{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 4. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM** |

{#TSBD\_CTD =="TSBDC03"}

Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng hình thức ký quỹ 100%

{/}

{#TSBD\_CTD !="TSBDC03"}

{#TYPE\_TSBD\_0=="TSBD08"}

{#CURREN\_0=="VND"}

{#TABLE\_TSBD\_TGVN}

**TSBĐ {STT\_TSBD\_TGVN}. Tiền gửi**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mô tả TSBĐ | {NAME\_TSBD\_1}  {#INTEREST\_RATE!=""}. Lãi suất đang áp dụng: {INTEREST\_RATE} %"{/} | | | | | | |
| Tên chủ TSBĐ | {#DS\_TSBD\_OWNERS!= ""}{DS\_TSBD\_OWNERS}{/} | | | | | | |
| **Chi tiết trị giá TSBĐ** (Đvt: triệu đồng) | | | | | | | |
| **Giá trị TSBĐ** | | **Giá trị sử dụng CTD** | **NV đang  bảo đảm** | **Tăng/giảm nghĩa vụ lần này** | **Tổng NV  bảo đảm** | **Tỷ lệ CTD  đề xuất** | **Tỷ lệ CTD tối đa theo QĐ** |
| {VALUE\_TSBD} | | {VALUE\_TSBD\_CTD} | {NVDBD} | {NVBDLN} | {SUM\_NVBD} | {RATIO\_CTD} % | {RATIO\_CTD\_TQD} % |
| {#OTHER\_COMMENTS != ""} Nhận xét: {OTHER\_COMMENTS} {/}  {#OTHER\_COMMENTS == ""} Không có thông tin nhận xét {/} | | | | | | | |

{/TABLE\_TSBD\_TGVN}

{/}

{#CURR\_0== "NOTVND"}

{#TABLE\_TSBD\_TGGT}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSBĐ {STT\_TSBD\_TGGT}.Tiền gửi**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Mô tả TSBĐ | {NAME\_TSBD\_1}{#INTEREST\_RATE !=""} Lãi suất đang áp dụng: {INTEREST\_RATE} % {/} | | | | | | | | | Tên chủ TSBĐ | {#DS\_TSBD\_OWNERS!= ""}{DS\_TSBD\_OWNERS}{/} | | | | | | | | | **Chi tiết trị giá TSBĐ** (Đvt: triệu đồng) | | | | | | | | | | **Giá trị TSBĐ** | **Giá trị quy đổi** | **Giá trị sử dụng CTD** | **Giá trị sử dụng CTD quy đổi** | **NV đang  bảo đảm** | **Tăng/giảm nghĩa vụ lần này** | **Tổng NV  bảo đảm** | **Tỷ lệ CTD  đề xuất** | **Tỷ lệ CTD tối đa theo QĐ** | | {VALUE\_TSBD}{CURREN}{CURR} | {GTQD} | {VALUE\_TSBD\_CTD}{CURREN}{CURR} | {GTSD\_CTDQD} | {NVDBD} | {NVBDLN} | {SUM\_NVBD} | {RATIO\_CTD} % | {RATIO\_CTD\_TQD} % | | {#OTHER\_COMMENTS !=""} Nhận xét: COMMENTS {/}  {#OTHER\_COMMENTS ==""} Không có thông tin nhận xét {/} | | | | | | | | | |

**{/**TABLE\_TSBD\_TGGT**}**

{/CURR\_0== "NOTVND"}

{/}

{/}

{#TYPE\_TSBD\_1== "TSBD13"}

{#TABLE\_TSBD\_VANG}

**TSBĐ {STT\_TSBD\_VANG}. Vàng**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mô tả TSBĐ | {MOTA\_TSBD} | | | | |
| Tên chủ TSBĐ | {#DS\_TSBD\_OWNERS!= ""}{DS\_TSBD\_OWNERS}{/} | | | | |
| **Chi tiết trị giá TSBĐ** (Đvt: triệu đồng) | | | | | |
| **Giá trị TSBĐ** | **NV đang bảo đảm** | **Tăng/giảm nghĩa vụ lần này** | **Tổng NV bảo đảm** | **Tỷ lệ CTD đề xuất** | **Tỷ lệ CTD tối đa theo QĐ** |
| {COL\_VALUE\_TSBD} | {COL\_NVDBD} | {TANG\_GIAM\_NVLN} | {SUM\_NVDBD} | {TL\_CTD} % | {TL\_CTD\_TD} % |
| {#OTHER\_COMMENTS !=""} Nhận xét: COMMENTS {/}  {#OTHER\_COMMENTS ==""} Không có thông tin nhận xét {/} | | | | | |

{/TABLE\_TSBD\_VANG}

{/TYPE\_TSBD\_1== "TSBD13"}

{#TYPE\_TSBD\_2== "TSBD15"}

{#TABLE\_TSBD\_TGCG}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TSBĐ {STT\_TSBD\_GTCG}. GTCG (trừ cổ phiếu) do TCTD phát hành**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Mô tả TSBĐ | {DESCRIBE\_TSBD}{#LAI\_SUAT!= ""}. Lãi suất đang áp dụng: {LAI\_SUAT} %{/} | | | | | | | Tên chủ TSBĐ | {#DS\_TSBD\_OWNERS!= ""}{DS\_TSBD\_OWNERS}{/} | | | | | | | **Chi tiết trị giá TSBĐ** (Đvt: triệu đồng) | | | | | | | | **Giá trị TSBĐ** | | **NV đang bảo đảm** | **Tăng/giảm nghĩa vụ lần này** | **Tổng NV bảo đảm** | **Tỷ lệ CTD để xuất** | **Tỷ lệ CTD tối đa theo QĐ** | | {COL\_VALUE\_TSBD} | | {COL\_NVDBD} | {TANG\_GIAM\_NVLN} | {SUM\_NVDBD} | {TL\_CTD} % | {TL\_CTD\_TD} % | | {#OTHER\_COMMENTS !=""} Nhận xét: COMMENTS {/}  {#OTHER\_COMMENTS ==""} Không có thông tin nhận xét {/} | | | | | | | |

{/TABLE\_TSBD\_TGCG}

{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 5. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT** |

{#APC\_NLPL== "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_NLPL== "UNCHECK"}"🞎"{/} Khách hàng có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự

{#APC\_MDHP == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_MDHP == "UNCHECK"}"🞎"{/} Khách hàng có nhu cầu vay vốn để sử dụng vào mục đích hợp pháp

{#APC\_PASD == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_PASD == "UNCHECK"}"🞎"{/} Khách hàng có phương án sử dụng vốn khả thi

{#APC\_KNTC == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_KNTC == "UNCHECK"}"🞎"{/} Khách hàng có khả năng tài chính để trả nợ

{#APC\_HSPL == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_HSPL == "UNCHECK"}"🞎"{/} Đơn vị đề xuất đã thu thập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu cấp tín dụng theo quy định của Eximbank

{#APC\_TSBD == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_TSBD == "UNCHECK"}"🞎"{/} Khoản cấp tín dụng đáp ứng điều kiện về TSBĐ phù hợp theo quy định của Eximbank

{#APC\_SPCS == "CHECK"}"🗹"{/}{#APC\_SPCS == "UNCHECK"}"🞎"{/} Khoản cấp tín dụng lần này đáp ứng đầy đủ điều kiện về sản phẩm tín dụng theo quy định của Eximbank

{#DANH\_GIA !=""}

**Đánh giá/nhận xét bổ sung:**

|  |
| --- |
| {DANH\_GIA} |

{/}

|  |
| --- |
| **PHẦN 6. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT** |

Đề xuất cấp tín dụng cho khách hàng {CUST\_FULLNAME} với nội dung như sau:

**I. CHI TIẾT KHOẢN CẤP TÍN DỤNG THEO SẢN PHẨM**

{#LN\_HT\_CTD\_0== "HTCTDRLOS01"}

{#LN\_PT\_CTD\_0== "TUNGLAN"}

{#TABLE\_CVTL}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản cấp tín dụng {STT\_CVTL}. Cho vay từng lần**   |  |  | | --- | --- | | **Khoản mục** | **Nội dung** | | Sản phẩm đề xuất | Nhóm sản phẩm: {NHOM\_SP}, sản phẩm: {SP\_CS} | | Số tiền | {AMOUNT\_VAY} triệu đồng | | Mục đích | {MUC\_DICH} | | Thời hạn cho vay | {TH\_CV} {DVTHV} | | Thời hạn giải ngân | {TH\_GN} | | Thời hạn giải ngân lần đầu | {TH\_GNLD} | | Phương thức giải ngân | {PTGN} | | Lãi suất | {LN\_LAI\_SUAT} | | Kỳ hạn trả nợ | - Kỳ hạn trả lãi: {KHTL}  - Kỳ hạn trả gốc: {KHTG} | |

{/TABLE\_CVTL}

{/LN\_PT\_CTD\_0== "TUNGLAN"}

{/LN\_HT\_CTD\_0== "HTCTDRLOS01"}

{#LN\_HT\_CTD\_1== "HTCTDRLOS01"}

{#LN\_PT\_CTD\_1== "HANMUC"}

{#TABLE\_CVHM}

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản cấp tín dụng {STT\_CVHM}. Cho vay hạn mức**   |  |  | | --- | --- | | **Khoản mục** | **Nội dung** | | Sản phẩm đề xuất | Nhóm sản phẩm: {NHOM\_SP}, sản phẩm: {SP\_CS} | | Loại đề nghị | {TYPE\_DENGHI} | | Số tiền | {AMOUNT\_VAY} triệu đồng {#LN\_DIENGIAI != ""} {LN\_DIENGIAI}{/} | | Mục đích | {MUC\_DICH} | | Thời hạn hạn mức | {THHM} tháng | | Thời hạn cho vay | {TH\_CV} tháng | | Thời hạn giải ngân lần đầu | {TH\_GNLD} | | Phương thức giải ngân | {PTGN} | | Lãi suất | {LN\_LAI\_SUAT} | | Kỳ hạn trả nợ | - Kỳ hạn trả lãi: {KHTL}  - Kỳ hạn trả gốc: {KHTG} | |

{/TABLE\_CVHM}

{/LN\_PT\_CTD\_1== "HANMUC"}

{/LN\_HT\_CTD\_1== "HTCTDRLOS01"}

{#LN\_HT\_CTD\_2 == "HTCTDRLOS03"}

{#LN\_PT\_CTD\_2 == "HANMUC"}

{#TABLE\_CVBL.length > 0}

|  |
| --- |
|  |
| **Khoản cấp tín dụng {STT\_CVBL}. Cấp tín dụng hạn mức**  **a) Tổng hạn mức tín dụng theo phương án**   |  |  | | --- | --- | | **Khoản mục** | **Nội dung** | | Sản phẩm đề xuất | Nhóm sản phẩm: {NHOM\_SP}, sản phẩm: {SP\_CS} | | Tổng hạn mức tín dụng | {SOTIEN\_CTD} triệu đồng {#LN\_DIENGIAI !=""}{LN\_DIENGIAI}{/} |   **b) Chi tiết hạn mức SXKD**   |  |  | | --- | --- | | Loại đề nghị | {TYPE\_DENGHI} | | Số tiền | {AMOUNT\_VAY} triệu đồng | | Mục đích | {MUC\_DICH} | | Thời hạn hạn mức | {THHM} tháng | | Thời hạn cho vay | {TH\_CV} {DVTHV} | | Thời hạn giải ngân lần đầu | {TH\_GNLD} | | Phương thức giải ngân | {PTGN} | | Lãi suất | {LN\_LAI\_SUAT} | | Kỳ hạn trả nợ | - Kỳ hạn trả lãi: {KHTL}  - Kỳ hạn trả gốc: {KHTG} |   **c) Chi tiết hạn mức bảo lãnh**   |  |  | | --- | --- | | Loại đề nghị | {TYPE\_DENGHI} | | Loại bảo lãnh | {TYPE\_BL\_TLKQ} | | Số tiền bảo lãnh | {AMOUNT\_BL} triệu đồng | | Thời hạn hạn mức | {THOIHAN\_HM} tháng | | Mục đích | {LN\_MUCDICH} | | Thời hạn thư bảo lãnh | {THOIHAN\_TBL} | | Phí bảo lãnh | {PHI\_BL} | |

{/}

{/}

{/}

{#LN\_HT\_CTD\_3 == "HTCTDRLOS02"}

{#LN\_PT\_CTD\_3 == "TUNGLAN"}

{#TABLE\_BLTL}

**Khoản cấp tín dụng {STT\_BLTL}. Bảo lãnh từng lần**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khoản mục** | **Nội dung** |
| Sản phẩm đề xuất | Nhóm sản phẩm: {NHOM\_SP}, sản phẩm: {SP\_CS} |
| Loại bảo lãnh | {TYPE\_BL\_TLKQ} |
| Số tiền bảo lãnh | {AMOUNT\_BL} triệu đồng |
| Mục đích | {LN\_MUCDICH} |
| Bên thụ hưởng | {BEN\_TH} |
| Thời hạn thư bảo lãnh | {THOIHAN\_TBL} |
| Phí bảo lãnh | {PHI\_BL} |

{/TABLE\_BLTL}

{/LN\_PT\_CTD\_3 == "TUNGLAN"}

{/LN\_HT\_CTD\_3 == "HTCTDRLOS02"}

Error! MergeField was not found in header record of data source.

**II. TÀI SẢN BẢO ĐẢM CHUNG CHO KHOẢN CẤP TÍN DỤNG THEO SẢN PHẨM**

«NDV\_DATE\_RANGE»

|  |
| --- |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |

«NDV\_DATE\_RANGE»

**III. ĐIỀU KIỆN CẤP TÍN DỤNG**

|  |
| --- |
| **1. Điều kiện phải thực hiện trước khi cấp tín dụng** |
| «NDV\_DATE\_RANGE» |
| **2. Điều kiện phải thực hiện sau khi cấp tín dụng** |
| «NDV\_DATE\_RANGE» |
| **3. Điều kiện khác** |
| «NDV\_DATE\_RANGE» |

|  |
| --- |
| **PHẦN 7. XÁC NHẬN VÀ CAM KẾT** |

|  |
| --- |
| Đơn vị đề xuất cam đoan hồ sơ chứng từ cung cấp là chính xác, phù hợp với thực tế khách hàng. Báo cáo đề xuất cấp tín dụng phản ánh chân thực, đầy đủ các thông tin trên hồ sơ và thông tin thu thập trong quá trình làm việc thực tế với khách hàng. Đơn vị đề xuất chịu trách nhiệm về các thông tin cung cấp, đề xuất, đánh giá và phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng.  Sau khi xem xét và đánh giá toàn diện khách hàng, Đơn vị đề xuất cùng thống nhất cấp tín dụng cho khách hàng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với các thông tin, chứng từ/hồ sơ cung cấp theo báo cáo này. |
| **CÁN BỘ QUAN HỆ KHÁCH HÀNG** |
| ~RM |
| **CÁN BỘ KIỂM SOÁT 1 (NẾU CÓ)** |
| ~RMTL1  ~RMTL2 |
| **CÁN BỘ KIỂM SOÁT 2 (NẾU CÓ)** |
| ~RMTL3 |